

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY

LÂM QUANG ĐÔNG

(TS, ĐHNH, ĐHQGHN)

1. Sơ lược về khái niệm

Từ trước tới nay đã có nhiều quan niệm và định nghĩa khác nhau về một thuật ngữ tiếng Anh vẫn được dịch ra tiếng Việt là “Tiếng Anh chuyên ngành” để phân biệt với một thuật ngữ khác là “General English” (GE - Tiếng Anh cơ bản). Có thể kể ra đây một số tác giả như Munby (1978), Kennedy và Bolitho (1984), Robinson (1991), Dudley-Evans (1998), v.v. Một số luận điểm cơ bản, tương đối thống nhất giữa các tác giả này gồm:

- Munby (1978) cho rằng ESP là các khoá học tiếng Anh trong đó nhu cầu giao tiếp của người học chi phối toàn bộ chương trình giảng dạy và tài liệu giảng dạy.

- Kennedy và Bolitho (1984) thì quan niệm rằng ESP là các khoá học tiếng Anh dựa trên cơ sở điều tra mục đích của người học và các nhu cầu giao tiếp nảy sinh từ những mục đích đó.

- Robinson (1991) cho rằng ESP là các khoá học tiếng Anh thường hướng tới mục tiêu cuối cùng và dựa trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu nhằm xác định cụ thể học viên phải làm gì và làm được gì thông qua phương tiện tiếng Anh.

- Dudley-Evans (1998) đề cập tới một số đặc điểm sau: ESP được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của người học; nó sử dụng các phương pháp và hoạt động [ngôn ngữ] của chuyên ngành mà nó phục vụ; nó tập trung vào kiểu loại ngôn ngữ phù hợp với các hoạt động này về ngữ pháp, từ vựng, ngữ

vực, kỹ năng học tập, diễn ngôn và phong cách. ESP thường chỉ dành cho học viên trưởng thành (adult learners) ở bậc đại học, trung học chuyên nghiệp hay đã đi làm ở một cơ quan chuyên nghiệp nào đó. Những học viên này thường bắt đầu từ trình độ trung cấp (intermediate) hoặc cao cấp (advanced), nghĩa là học viên đã phải có những hiểu biết, tri thức cơ bản của tiếng Anh. Nói cách khác, học viên phải học qua chương trình cơ sở, cái vẫn được gọi là General English (tiếng Anh cơ bản) trước khi bắt đầu chương trình ESP.

Như vậy, các tác giả này đều thống nhất rằng ESP phải phục vụ mục đích, nhu cầu hết sức rõ ràng, cụ thể của người học, khác với GE là phục vụ những yêu cầu chung, yêu cầu căn bản của bất kỳ người học ngoại ngữ nào. Có thể thấy sự phân biệt này qua mô hình Cây ELT (English Language Teaching - Giảng dạy Anh ngữ) mà Hutchinson và Waters (1987:17) đưa ra, một mô hình có tính đại diện cao, được chấp nhận rộng rãi hơn cả.

Sơ đồ Cây ELT cho thấy ESP bao gồm một số kiểu loại khác nhau mà trên sơ đồ mới chỉ thể hiện đại diện là 3 loại: English for Science and Technology (EST - tiếng Anh Khoa học-Công nghệ), English for Business and Economics (EBE - tiếng Anh Thương mại-Kinh tế), English for Social Sciences (ESS - tiếng Anh Khoa học Xã hội). Các kiểu loại này lại bao gồm các kiểu loại cụ thể hơn như English for Academic Purposes (EAP - tiếng Anh học thuật) và EOP (English for Occupational Purposes - tiếng Anh nghề

ngiệp). Đến lượt các EAP và EOP này lại tiếp tục được chia nhỏ hơn nữa thành những tiểu loại như tiếng Anh cho Y học, tiếng Anh cho Kỹ thuật viên, tiếng Anh cho Thư kí văn phòng, tiếng Anh cho Tâm lí học, v.v. và những tiểu loại này còn có thể được chia nhỏ hơn nữa tùy theo mục tiêu, mục đích cụ thể của người học cũng như nội dung giảng dạy/học tập.

Tiếng Anh chuyên ngành có những đặc điểm cố hữu, thường trực hay tuyệt đối (Absolute Characteristics) là

- ii. ESP đáp ứng những mục đích cụ thể của người học;
- iii. ESP sử dụng các phương pháp và hoạt động của chính chuyên ngành mà nó phục vụ;
- iv. ESP tập trung vào loại ngôn ngữ phù hợp với những hoạt động đó về mặt ngữ pháp, từ vựng, ngữ pháp, kĩ năng học tập, diễn ngôn và thể loại.

Còn những đặc điểm biến thiên (Variable Characteristics) là

- i. ESP có thể liên quan tới, hoặc được thiết kế riêng cho những chuyên ngành cụ thể;
- ii. Trong một số tình huống giảng dạy cụ thể, ESP có thể sử dụng phương pháp khác với tiếng Anh cơ bản (GE);
- iii. ESP thường được thiết kế cho người lớn hoặc ở các cơ sở đào tạo bậc đại học, hoặc ở bối cảnh công tác chuyên môn nhất định. Tuy nhiên, cũng có khi ESP được giảng dạy ở bậc trung học;
- iv. ESP nói chung chỉ dành cho học viên ở trình độ trung cấp hoặc cao cấp về tiếng Anh;
- v. Hầu hết các khoá ESP đều đặt giả thiết/điều kiện rằng học viên đã có kiến thức cơ bản về các hệ thống ngôn ngữ.

(Dudley-Evans 1998, Hutchinson và Waters 1987, v.v.)

Tuy nhiên, ranh giới giữa cái gọi là tiếng Anh Phổ thông (GE) và tiếng Anh Chuyên ngành (ESP) thực sự còn nhiều điểm mờ nhạt, và Hutchinson & Waters (1987:19) khẳng định “ESP là một cách thức tiếp cận

đối với việc dạy tiếng trong đó mọi quyết định về nội dung và phương pháp giảng dạy đều dựa vào lí do tại sao học viên lại đi học tiếng”.

2. Thực tế ở Việt Nam hiện nay

Theo tôi, mặc dù ESP đã được triển khai ở Việt Nam khá lâu, một số mặt còn yếu, hoặc còn chưa được nhận thức đúng đắn về ESP và lí do, căn nguyên của những nhược điểm đó bao gồm

2.1 Về phân tích nhu cầu

Trong thực tế “đa số những giáo viên được gọi là giáo viên ESP lại đang sử dụng cách tiếp cận khá xa vời so với những gì đã nói ở trên” [phân định nghĩa và khái niệm]. Họ nói chương trình giảng dạy của họ cũng dựa vào phân tích nhu cầu người học đấy, nhưng “thay vì đi phỏng vấn các chuyên gia trong ngành, phân tích ngôn ngữ cần thiết trong chuyên ngành đó, hoặc thậm chí là phân tích nhu cầu của học viên, thì nhiều giáo viên ESP lại hoá thành nô lệ của những giáo trình đã xuất bản sẵn mà không đánh giá được sự phù hợp của chúng ... hoặc ngại tiến hành những phân tích cần thiết về những bài khoá chuyên môn khó để rồi sửa đổi nội dung của chúng” cho phù hợp - theo nhận xét của Laurence Anthony (1997). Ở Việt Nam, nhiều cuộc tranh luận cho tới nay cũng đã đặt ra vấn đề dạy tiếng Anh chuyên ngành như thế nào, trong đó có một câu hỏi vẫn chưa tới hồi ngã ngũ là dạy tiếng Anh cho chuyên ngành, hay dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, và ai dạy chúng.

Việc phân tích nhu cầu chưa được tiến hành thật thấu đáo, cẩn thận, kể cả nhu cầu của học viên lẫn đòi hỏi trong thực tế công việc của chuyên ngành định giảng dạy, đúng như Anthony đã nhận xét ở trên. Điều này cũng phải nói một phần là do kinh phí hạn hẹp - hầu như trong kinh phí biên soạn chương trình ESP ở các trường đều không phân bổ thoả đáng cho khâu phân tích nhu cầu, một khâu cực kì quan trọng nhưng cũng đòi hỏi kinh phí đáng kể trong quá trình biên

soạn chương trình/giáo trình ESP. Không có đủ kinh phí để thực hiện các cuộc điều tra, phỏng vấn thực sự chất lượng nên các tác giả biên soạn chương trình/giáo trình ESP, kể cả tôi, đều phải dựa vào kinh nghiệm và nhận định chủ quan của mình để biên soạn, và dĩ nhiên, chương trình/giáo trình ấy khó có thể đáp ứng hết hoặc đáp ứng đúng mọi nhu cầu của người học, ngành học hay thực tế công việc.

Mặt khác, một số ngành học rất khó xác định nhu cầu đòi hỏi ở đầu ra, vì thực tế chúng là những ngành khoa học cơ bản, đào tạo sinh viên về khoa học cơ bản, nhưng cụ thể lúc ra trường họ làm nghề gì, công việc gì thì không xác định được, chẳng hạn như các ngành Triết học, Văn học, Toán học, Sử học. Đối với sinh viên ngành Du lịch, Lễ hành và Khách sạn có thể xác định được (một cách tương đối rõ) là họ sẽ phục vụ ở Khách sạn, ở các công ty du lịch hay quản lý du lịch, những bối cảnh sử dụng ngôn ngữ khá cụ thể và nhờ đó, chương trình/giáo trình tiếng Anh Du lịch có định hướng và nội dung chuyên ngành rõ rệt (như Giáo trình tiếng Anh Du lịch của ThS Nguyễn Hồng Loan, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN). Trong khi đó, không thể biết sinh viên ngành Văn học sẽ làm nhà văn, phê bình văn học, hay đảm nhiệm công việc cụ thể gì. Mục tiêu giảng dạy tiếng Anh lúc đó đối với những ngành như vậy thường phải quy về một loại tiếng Anh gần như tiếng Anh học thuật (EAP), bởi nói chung chúng tôi được yêu cầu là chú trọng vào việc nâng cao kỹ năng đọc hiểu và mở rộng vốn từ vựng liên quan cho sinh viên để họ có thể đọc được tài liệu, còn các kỹ năng khác như nói, nghe, viết hầu như ít được sự quan tâm của các nhà quản lý.

Tuy nhiên, mặc dù sơ đồ cây ELT đã thể hiện rất rõ nhưng cũng vẫn có người tranh luận nên hay không nên xếp EAP như một tiểu loại của ESP, đối lập với tiếng Anh cho mục đích nghề nghiệp hoặc chuyên môn cụ thể (vocational or professional purposes).

Khái niệm EAP như vậy còn được hiểu và thực hiện khá mơ hồ ở nhiều nơi. Đây cũng là một điều gây khó khăn cho công tác giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành.

2.2 *Trình độ của học viên*

Như đặc điểm biên thiên (iv) và (v) đã nói, ESP đòi hỏi người học đã phải đạt trình độ trung cấp hoặc cao cấp, và phải có kiến thức nền nhất định về tiếng, nhưng thực tế kiến thức nền của học viên nói chung, theo chúng tôi quan sát, còn yếu. Học viên bắt buộc phải hoàn thành chương trình GE trước khi vào ESP, nhưng kiến thức GE của họ quá yếu, chưa cả đạt trình độ tiền trung cấp (Pre-Intermediate) nên ESP đối với họ quả thật là một gánh nặng cực kỳ vất vả. Mặt khác, khi tiếp xúc với các vấn đề chuyên ngành bằng tiếng Anh như Luật, Ngôn ngữ học (hai trong số các ngành chúng tôi vừa tham gia biên soạn chương trình/giáo trình, vừa trực tiếp giảng dạy), chúng tôi luôn luôn dựa vào nội dung họ đã được học bằng tiếng Việt nhưng đa phần họ cũng còn nắm khá lơ mơ, kể cả sinh viên các lớp Chất lượng cao, nên khó có thể phát huy khi chuyển sang tiếng Anh. Tất cả những khó khăn đó khiến cho mục tiêu của chương trình ESP hầu như không đạt được mức độ và hiệu quả mong muốn.

Do trình độ GE của học viên, sinh viên còn yếu, trong khi một số nhà quản lý và chuyên môn lại cho rằng ESP chẳng qua là vấn đề từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, cứ có trình độ GE tốt, nhất là về kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp là chính) thì chuyển qua ESP không mấy khó khăn, nên họ (như ĐHQGHN) chủ trương chỉ dạy GE sao cho sinh viên đạt trình độ tương đương B1 (theo khung tham chiếu châu Âu CEFR) hay IELTS 4.0 (hệ chuẩn), hoặc B2/ C1 hay IELTS 5.0 - 6.0 (hệ chất lượng cao/đẳng cấp quốc tế) là được, còn ESP là việc riêng của sinh viên/học viên sau này. Chúng tôi, với tư cách là một đơn vị thừa hành, đang phải nỗ lực thực hiện chủ trương này. Song, quả thực, chúng tôi cũng đang vấp phải những mâu

thuần giữa mục tiêu đào tạo, ý chí, chủ trương và mong muốn của các cấp quản lý với chất lượng, động cơ, mục tiêu học tập của sinh viên, học viên, cũng như mâu thuẫn giữa cách thức giảng dạy của thầy với cách thức học tập của trò. Đây đúng là những vấn đề “tiền thoái lưỡng nan” (dilema) khiến chúng tôi và giáo viên tiếng Anh ở các trường nói chung đang đau đầu.

2.3 Kiến thức chuyên ngành

Một số chuyên ngành có nhiều khái niệm, thuật ngữ đặc thù, mà muốn giảng dạy được tiếng Anh chuyên ngành, giáo viên tiếng Anh cũng phải có kiến thức nhất định về những khái niệm, thuật ngữ đó. Khó khăn đặt ra là giáo viên tiếng Anh cần có kiến thức chuyên ngành đến mức độ nào để có thể đảm nhiệm việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành. Đây cũng là một lí do khiến nhiều người tranh luận rằng việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành phải để cho giáo viên chuyên ngành chứ không phải giáo viên tiếng Anh. Song điều đó lại tạo thành cái vòng luẩn quẩn như chúng tôi đã nói ở trên – đó là vấn đề giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành hay dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh.

3. Vài đề xuất

3.1 Đối với những ngành có thể xác định được công việc cụ thể

Đối với những ngành có thể xác định được rõ công việc cụ thể mà sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận, EOP hoặc EVP (English for Occupational/Vocational Purposes - tiếng Anh cho mục đích nghề nghiệp) cần được coi là chủ đạo, và một trong những căn cứ cơ bản để xây dựng chương trình và giáo trình là các tình huống công việc cụ thể, đòi hỏi việc sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành đặc thù, chẳng hạn tiếng Anh Du lịch, Khách sạn như chúng tôi đã giới thiệu sơ lược ở trên. Đối với ngành ngoại giao, tùy theo từng đối tượng sinh viên mà lựa chọn loại hình ESP phù hợp. Là một người ngoại cuộc, không có hiểu biết nhiều về ngành Ngoại giao, tôi chỉ xin lấy một ví dụ là sinh viên sau khi tốt nghiệp có

thể làm công tác lễ tân ngoại giao. Lúc đó, ESP dành cho họ nên căn cứ vào các tình huống cụ thể trong công tác lễ tân ngoại giao để xác định kiến thức ngôn ngữ cần thiết, loại hình ngôn ngữ và vốn từ vựng đặc thù cần đưa vào giảng dạy.

3.2 Đối với những ngành mà công việc cụ thể khó xác định

Như chúng tôi đã trình bày, nhiều ngành đào tạo không thể xác định được cụ thể ra trường sinh viên sẽ làm gì mà chỉ là những định hướng nghề nghiệp khá chung chung. Theo chúng tôi, ESP lúc đó nên chú trọng vào EAP - tiếng Anh Học thuật với trọng tâm là kĩ năng đọc và viết một số thể loại căn bản, bởi nhiều học viên, sinh viên cũng như các nhà quản lý cho rằng điều quan trọng là người học trong các ngành đó chỉ cần tiếng Anh để tìm hiểu tài liệu, đọc được các tài liệu chuyên ngành để phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu của mình trong thời gian theo học tại trường cũng như sau này. Sau khi đọc xong tài liệu, họ cần phải viết được tóm tắt những ý kiến cơ bản trong tài liệu đó, và có thể viết được các đoạn trình bày ý kiến nhận xét, bình luận của mình về tài liệu đọc được, hoặc viết tóm tắt cho một công trình của mình. Ở mức cao hơn, họ có thể viết được một bài luận hoặc bài báo hoàn chỉnh về một vấn đề chuyên ngành, hoặc trình bày một báo cáo đầy đủ về kết quả nghiên cứu của họ. Dĩ nhiên các kĩ năng khác cũng quan trọng nhưng mức đòi hỏi thấp hơn, và thực tế thời lượng dành cho tiếng Anh trong toàn bộ chương trình đại học hay sau đại học rất hạn chế nên không thể bao quát hết mọi kĩ năng được, nhưng cũng cần lưu ý rèn luyện và phát triển kĩ năng thuyết trình/ trình bày (Presentation Skill) với các công cụ như PowerPoint cho người học (kết hợp cả kĩ năng viết, soạn thảo phần trình chiếu lẫn kĩ năng nói - trình bày miệng).

Với định hướng EAP - tiếng Anh Học thuật, cần dựa vào khung chương trình đào tạo cử nhân của từng khoa, từng bộ môn để

lựa chọn đề tài cho chương trình EAP, song chủ đề của các chương, bài hay phần học trong chương trình EAP cũng không cần thiết phải đề cập hết tới mọi thứ trong khung chương trình cử nhân ấy. Chủ đề chỉ là cái 'cốt' để lựa chọn ngữ liệu và đương nhiên nó quy định một số chức năng giao tiếp liên quan đến nó; còn cái lõi, cái xương sống vẫn là sự phát triển logic các kĩ năng ngôn ngữ cần thiết, ví dụ như trong kĩ năng đọc thì vẫn phải tiếp tục phát triển tiểu kĩ năng đọc nhanh lấy thông tin tổng thể, đọc nhanh để định vị chi tiết thông tin cần tìm, đoán từ trong ngữ cảnh, suy luận, v.v. Ngoài ra, có một số kĩ năng đòi hỏi người học ngoại ngữ phải xử lí thông tin dưới áp lực về thời gian, chẳng hạn như timed reading thì chỉ khi lên lớp sinh viên mới được phát bài đọc (handout) chứ không in sẵn trong giáo trình, bởi nếu như họ đã chuẩn bị ở nhà thì sẽ không đạt được mục tiêu mong muốn của timed reading nữa. Do vậy, khi biên soạn giáo trình hay tài liệu giảng dạy cũng như khi trực tiếp giảng dạy trên lớp, giáo viên cần chú ý đưa ra những loại hình bài tập, hoạt động nhằm rèn luyện, củng cố và phát triển những kĩ năng này.

3.3 Về từ vựng chuyên ngành

Khi xây dựng chương trình cần chú ý hơn nữa tới các biện pháp mang tính chiến lược về phát triển vốn thuật ngữ chuyên ngành. Quan điểm cũng như mong muốn của chúng tôi là làm sao giúp cho sinh viên có được kĩ năng để tự xây dựng vốn từ vựng chuyên ngành của mình, ví dụ như nắm được các quy tắc cấu tạo từ về hình thái cũng như nội dung, sự biến đổi nghĩa của từ từ nghĩa thông thường sang nghĩa chuyên biệt, v.v. Chương trình hay giáo trình ngoại ngữ chuyên ngành hoàn toàn không phải, và cũng không thể là một cuốn từ điển thuật ngữ chuyên ngành.

Tuy nhiên, cũng cần giới hạn số lượng tối thiểu và tối đa thuật ngữ chuyên ngành xuất hiện ở từng bài, từng chương để tạo điều kiện

cho người biên soạn tài liệu giảng dạy cũng như sinh viên sau này. Nếu không sẽ dễ dẫn đến tình trạng quá nhiều hoặc quá ít thuật ngữ chuyên ngành, quá ít thì không đảm bảo yêu cầu, còn quá nhiều thì hiệu quả học tập và sử dụng ngôn ngữ khó có thể cao được.

Cần phải tiếp tục tổ chức nghiên cứu sâu để có được những kết luận khoa học về từ vựng, thuật ngữ, văn phong, ngữ vực, v.v. của từng chuyên ngành cụ thể, từ đó mới có những cải tiến, cập nhật chương trình giảng dạy hơn nữa. Ví dụ: phải khảo sát để biết được tần suất xuất hiện của các thuật ngữ, từ đó lựa chọn những thuật ngữ có tần suất xuất hiện cao để đưa vào bài học; hoặc cấu trúc tiêu biểu mà một loại văn phong chuyên ngành thường dùng là gì để đưa ra giảng dạy. Nói cách khác, cần nhiều nghiên cứu hơn nữa để phân định các vấn đề từ vựng/ngữ pháp tiêu cực và tích cực (passive and active), có tính chất đại diện/ tiêu biểu hay không, cái gì sử dụng nhiều hơn cả (tích cực), mang tính khái quát hơn cả thì đưa vào bài học để giới thiệu và rèn luyện, còn những gì ít xuất hiện hay quá nhỏ nhặt thì chỉ cần giới thiệu là được. Văn phong khoa học của từng chuyên ngành như thế nào cũng là một mảng đề tài phong phú, một mảnh đất còn ít người khai phá, canh tác. Đây là hướng nghiên cứu cần thiết đối với giáo viên giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành nói chung ở nước ta. Một tín hiệu đáng mừng là gần đây, một loạt các luận văn thạc sĩ đã được thực hiện, nghiên cứu các mảng thuật ngữ Anh-Việt trong một số ngành như môi trường, mật mã, kinh tế, báo chí, v.v., và có nhiều đóng góp tốt cho ESP. Chúng tôi mong muốn có thêm nhiều nghiên cứu như thế nữa để việc giảng dạy ESP ngày càng hiệu quả và chất lượng.

Trên đây là một số đề xuất của chúng tôi dựa vào những quan sát thực tế về giảng dạy và học tập tiếng Anh chuyên ngành ở một số trường chúng tôi có dịp tiếp xúc. Để thực sự

có cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách về ESP, xây dựng chương trình đào tạo và giáo trình ESP thì phải tiến hành nghiên cứu quy mô, bài bản hơn nữa, đặc biệt là điều tra, phân tích nhu cầu của người học, người quản lý đào tạo cũng như người sử dụng lao động và nhiều đối tượng liên quan khác, cái cốt yếu để đảm bảo ESP thực sự đáp ứng đúng nhu cầu và mục đích cụ thể của họ, như bản thân tên gọi của thuật ngữ này đã chỉ rõ.

Tài liệu tham khảo

1. Anthony, Laurence (1997) *English for specific purposes: What does it mean? Why is it different?* www.antlab.sci.waseda.jp/abstracts/ESParticle.html, truy cập ngày 01/3/2011.
2. Dudley-Evans, T. (1998), *Research perspectives on English for academic purposes*. Cambridge: Cambridge University Press.
3. Hutchinson, T and Waters, A. (1987) *English for specific purposes, A learning-centred approach*. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Kennedy, C & Bolitho, R (1984), *English for specific purposes* London: Macmillan.
5. Lâm Quang Đông (2004) *EAP/ESP/EOP (Tiếng Anh học thuật, tiếng Anh chuyên ngành và tiếng Anh nghề nghiệp) và chương trình giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên đại học tại ĐH KHXH&NV, ĐHQGHN*, Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ tại ĐH KHXH & NV và ĐH KHTN”, ĐHQGHN.
6. Munby, J. (1978) *Communicative syllabus design*. Cambridge: Cambridge University Press.
7. Robinson, P (1991) *ESP today: A practitioner's guide* Hemel Hemstead: Prentice Hall.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 16-10-2011)

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM...

(tiếp theo trang 14)

hết sức tinh vi, có khi khác xa nhau, có khi trái ngược nhau, ... Tuy nhiên, trong khuôn khổ của bài viết, tất cả những gì đã nói ở trên chỉ là những phác thảo dành cho một đơn vị từ vựng đa nghĩa, một hiện tượng ngôn ngữ phức tạp, và nghĩa của nó gắn chặt với thái độ của con người - một phạm trù thuộc thể giới tinh thần - nên hoàn toàn không dễ tri nhận bằng trực cảm ngôn ngữ.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (2007), *Đại cương ngôn ngữ học - ngữ dụng học*, Tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (2007), *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Dân (2002), *Nỗi oan thì, là, mà*, NXB Trẻ, Tp. HCM.
4. Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng (2007), *Giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Đại học Sư phạm, Tp. HCM.
5. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Cao Xuân Hạo (2006), *Tiếng Việt – Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Giáo dục, Tp. HCM.
7. Cao Xuân Hạo (chủ biên) (2006), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt - Câu trong tiếng Việt*, Quyển 1, NXB Giáo dục, Hà Nam.
8. Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa – Phân tích cú pháp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Đinh Trọng Lạc (2008), *99 Phương tiện và Biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Thái Nguyên.
10. Panfilov V. S. (2008), *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Viện Ngôn ngữ học (2005), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
12. Phạm Hùng Việt (2003), *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB KHXH, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-10-2011)